

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 06/02/2025
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RG
TỈNH KG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Chung Kim Sang
2. Ông Mai Văn Bé Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Mai Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh KG.

Ngày 06 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố RG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 395/2024/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20/01/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Quang T**, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: số 87, đường MTT, tổ 1, khu phố 4, phường VT, thành phố RG, tỉnh KG.

2. *Bị đơn:* Bà **Võ Thị Huyền T**, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 87, đường MTT, tổ 1, khu phố 4, phường VT, thành phố RG, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/10/2024 và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – ông Nguyễn Quang T trình bày: Ông và bà Võ Thị Huyền T tự quen biết, yêu thương nhau, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường VT, thành phố RG, tỉnh KG và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/11/2014.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất hòa, thường hay cãi vã, đến khoảng năm 2016 bà T đã bỏ đi khỏi địa phương, ông đã tìm kiếm bằng nhiều biện pháp nhưng vẫn không có kết quả, không có địa chỉ, tin tức gì của bà T nên đến tháng 02/2023, ông nộp đơn yêu cầu tuyên bố một người mất tích đối với bà T và đã được Tòa án nhân dân thành phố RG thụ lý số 02/2023/TLST-VDS ngày 10/02/2023. Đến ngày 17/9/2024, Tòa án nhân dân thành phố RG ban hành Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 09/2024/QĐST-VDS, nội dung của quyết định: “Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Quang T tuyên bố chị Võ Thị Huyền T sinh năm 1995 có nơi cư trú cuối cùng tại số 87, đường MTT, tổ 1, khu phố 4, phường VT, thành phố RG, tỉnh KG mất tích”. Nay cảm thấy không thể sống chung với nhau được nữa nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Trần.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Quang V, sinh ngày 13/12/2014. Do bà T đã mất tích nên ông yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T cam kết ly hôn không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ về tài sản và nợ đối với người khác.

- ***Tại biên bản trình bày nguyện vọng lập ngày 03/01/2025, người con chung là Nguyễn Quang V có ý kiến:*** Muốn được sống chung với cha là ông Nguyễn Quang T.

- ***Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử hôm nay, bị đơn – bà Võ Thị Huyền T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.***

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn – ông Nguyễn Quang T yêu cầu ly hôn, nuôi con chung đối với bị đơn – bà Võ Thị Huyền T nên quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các đương sự tranh chấp về quan hệ hôn nhân, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố RG, tỉnh KG. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh KG.

[3] Bị đơn – bà Võ Thị Huyền T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – ông Nguyễn Quang T yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt bị đơn – bà Võ Thị Huyền T.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu ly hôn: Ông T và bà T tự quen nhau, sau đó quyết định tiến tới hôn nhân, hai người đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường VT, thành phố RG, tỉnh KG và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/11/2014; như vậy, việc kết hôn của ông T và bà T đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Qua lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông T cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất hòa, thường hay cãi vã, đến khoảng năm 2016 bà T đã bỏ đi khỏi địa phương, ông đã tìm kiếm bằng nhiều biện pháp nhưng vẫn không rõ tung tích về bà T. Căn cứ theo quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng, nguyên đơn – ông T đã chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, từ thời điểm Tòa án nhân dân thành phố RG tuyên bố mất tích (ngày 17/9/2024) cho đến nay, bị đơn – bà T không có mặt theo văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ của Tòa án cũng như ý kiến bằng văn bản liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mặc dù đã được Tòa án thực hiện cấp tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

[2] Về con chung: Do bà T đã mất tích kể từ thời điểm Tòa án tuyên bố cho đến nay nên ông T yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng người con chung tên Nguyễn Quang V, sinh ngày 13/12/2014 đến khi thành niên, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu này là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cũng như ý chí nguyện vọng của con chung, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn – ông Nguyễn Quang T.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn – ông Nguyễn Quang T phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007686, ngày 31/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố RG nên ông T không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Nguyễn Quang T, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quang T được ly hôn với bà Võ Thị Huyền T.

- Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Quang V, sinh ngày 13/12/2014 cho ông Nguyễn Quang T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên, do ông Nguyễn Quang T không yêu cầu bà Võ Thị Huyền T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, bà Trần có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Quang T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn – ông Nguyễn Quang T phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007686, ngày 31/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố RG nên ông T không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KG;
- VKSND TP. RG;
- Chi cục THA dân sự TP. RG;
- Các đương sự;
- UBND P. VT, TP. RG, KG;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Đức Luân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chung Kim Sang

Mai Văn Bé Em

Đào Đức Luân

